


THÔNG BÁO

V/v đăng ký đề xuất nhiệm vụ KH&CN tỉnh Hải Dương năm 2019

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội nhận được Công văn số 30/SKHHCN-QLKH ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hải Dương về việc đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thực hiện năm 2019.

Nhà trường thông báo đến các cá nhân và đơn vị trong trường quan tâm theo dõi, gửi đề xuất nhiệm vụ thực hiện trong năm 2019 đến Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hải Dương để tham gia xét chọn.

Hồ sơ đăng ký theo mẫu, xem hướng dẫn cụ thể tại công văn số 30/SKHHCN-QLKH ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hải Dương kèm theo thông báo.

Hạn cuối cùng nhận hồ sơ đề xuất nhiệm vụ trước 16h30 ngày 25 tháng 3 năm 2018, hồ sơ nộp tại phòng Khoa học Công nghệ (nộp cả bản cứng và bản mềm) cho Đ/c Bùi Tiến Sơn, Phòng 303 nhà A1 Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. 

Nơi nhận:

- Giám hiệu;
- Các đơn vị trong trường;
- Lưu: VT, Phòng KHCN.



PGS.TS. Phạm Văn Bồng

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 30 /SKHCN-QLKH
V/v đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ
cấp tỉnh thực hiện năm 2019

Hải Dương, ngày 06 tháng 02 năm 2018



Kính gửi:

- UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh;
- Các viện, trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp;
- Các Trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, khảo nghiệm;
- Các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn tỉnh;
- Các doanh nghiệp có quy mô lớn.

Thực hiện Công văn số 4208/BKHCN-KHTC ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ (KH&CN) năm 2019, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo một số nội dung đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh năm 2019 như sau:

1. Nguyên tắc chung

Việc lựa chọn các đề tài, dự án, chương trình, sau đây gọi chung là nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh năm 2019 cần phải đảm bảo các tiêu chí sau:

1.1. Nhiệm vụ KH&CN phải có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội trong phạm vi của tỉnh; phải lý giải được những vấn đề lý luận và thực tiễn trong việc định hướng phát triển chung của tỉnh hoặc đáp ứng một cách thiết thực và có hiệu quả những nhu cầu bức xúc về KH&CN trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội, bảo vệ an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

1.2. Hướng vào giải quyết các vấn đề KH&CN trong phạm vi tỉnh Hải Dương: nhiệm vụ KH&CN phải có tính mới, tính sáng tạo, tính tiên tiến so với hiện trạng trên địa bàn tỉnh và có tính khả thi. Việc xác định mục tiêu, đối tượng của nhiệm vụ KH&CN phải căn cứ vào việc đánh giá khách quan thực trạng phát triển KH&CN trong tỉnh, thành tựu phát triển KH&CN trong nước, trên thế giới, nguồn lực KH&CN của tỉnh và khả năng hợp tác với các cơ quan nghiên cứu, đào tạo, các tỉnh, thành phố khác.

1.3. Các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN phải có địa chỉ ứng dụng trong sản xuất, đời sống, an ninh, quốc phòng; có tác động tích cực đến phát triển KH&CN, kinh tế và xã hội của các cấp, các ngành nói riêng và của tỉnh nói chung.

1.4. Thời gian thực hiện các nhiệm vụ KH&CN không quá 60 tháng đối với kế hoạch khung, chương trình, đề án; 36 tháng đối với dự án, đề tài.

2. Định hướng việc đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh năm 2019

2.1. Trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp

- Trong lĩnh vực trồng trọt hướng vào giải quyết các vấn đề sau:
 - + Xây dựng và mở rộng vùng sản xuất hàng hoá tập trung, theo liên kết chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, ứng dụng thành tựu,

giải pháp công nghệ, tăng hiệu quả sản xuất trên 01 đơn vị diện tích canh tác, gắn với những lợi thế và đặc trưng của từng địa phương trên địa bàn tỉnh.

+ Nghiên cứu, lựa chọn và nhân rộng các giống cây trồng có năng suất, chất lượng, chống chịu sâu bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với các vùng sinh thái, đáp ứng yêu cầu thị trường tiêu dùng trong nước, xuất khẩu và nâng cao hiệu quả kinh tế-xã hội trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên địa bàn tỉnh, phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

+ Nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện quy trình thâm canh tổng hợp; quản lý sâu bệnh phục vụ sản xuất các đối tượng cây trồng chủ lực nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí đầu vào trên một đơn vị diện tích, phục vụ sản xuất nông nghiệp an toàn, nông nghiệp hữu cơ; ứng dụng các chế phẩm sinh học, thuốc trừ sâu sinh học.

+ Lựa chọn, duy trì và phát triển các giống cây trồng bản địa, đặc sắc của tỉnh.

- Trong lĩnh vực chăn nuôi hướng vào giải quyết các vấn đề sau:

+ Nghiên cứu ứng dụng các giống vật nuôi chủ lực phù hợp với vùng sinh thái và tái cơ cấu ngành nông nghiệp; ứng dụng công nghệ tiên tiến và kỹ thuật chăn nuôi an toàn dịch bệnh, hướng tới chăn nuôi an toàn sinh học.

+ Nghiên cứu ứng dụng các chế phẩm sinh học, thức ăn và thức ăn bổ sung trong chăn nuôi; các công thức chế biến và sử dụng có hiệu quả nguồn thức ăn sẵn có, nguồn phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp phục vụ phát triển chăn nuôi bền vững.

+ Lựa chọn, duy trì và phát triển các giống vật nuôi bản địa, đặc sắc của tỉnh.

- Trong lĩnh vực thủy sản hướng vào giải quyết các vấn đề sau:

+ Nghiên cứu ứng dụng và làm chủ công nghệ tạo giống bố mẹ và kỹ thuật nhân giống đối với một số giống thủy sản chủ lực, sạch bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ Nghiên cứu quy trình phòng trừ bệnh tổng hợp trên một số đối tượng chủ lực phục vụ nuôi trồng thủy sản, đảm bảo an toàn thực phẩm; ứng dụng quy trình công nghệ tiên tiến nuôi thâm canh, nuôi công nghiệp tiết kiệm nước.

+ Nghiên cứu ứng dụng các chế phẩm sinh học, vắc xin, thuốc thủy sản, quy trình công nghệ sản xuất thức ăn trong nuôi trồng thủy sản; nghiên cứu công thức chế biến và sử dụng có hiệu quả nguồn thức ăn phục vụ phát triển thủy sản bền vững trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học về các biện pháp canh tác, tưới tiêu, thu hoạch, bảo quản, chế biến sau thu hoạch, các sản phẩm phân bón và thuốc trừ sâu sinh học nâng cao giá trị sản xuất trên mỗi đơn vị canh tác, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường trong sản xuất góp phần xây dựng nông thôn mới trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học, công nghệ cao trong xử lý môi trường và sản xuất nông nghiệp; sản xuất nông nghiệp hữu cơ xanh, sạch.

- Nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học vào việc giải quyết vấn đề nước sạch và vệ sinh môi trường ở nông thôn.

2.2. Trong lĩnh vực khoa học tự nhiên

Tập trung vào giải quyết việc nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu; phòng, chống, hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, hạn hán; sạt lở bờ sông; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên quốc gia, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học đảm bảo phát triển bền vững.

2.3. Trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ

- Nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp công nghệ phù hợp phục vụ phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.

- Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ tiên tiến chế biến, bảo quản nông sản sau thu hoạch phục vụ thị trường trong và ngoài nước.

- Hỗ trợ, đầu tư cho các doanh nghiệp triển khai các dự án KH&CN để cải tiến thiết bị, hoàn thiện công nghệ, ứng dụng công nghệ mới, tạo sản phẩm mới hoặc nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, thương mại hóa sản phẩm công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ; mở rộng thị trường, nâng cao khả năng cạnh tranh, nâng cao tỉ lệ nội địa hoá; phát triển các sản phẩm phục vụ công nghiệp phụ trợ trên địa bàn tỉnh; phát triển toàn diện hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sản xuất sạch trong các ngành công nghiệp khai thác và chế biến.

- Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và sản xuất các máy móc, thiết bị công nghiệp, nông nghiệp mang nhãn hiệu Việt Nam.

- Nghiên cứu nâng cao hiệu quả sử dụng than, khí đốt; nâng cao hiệu quả hiệu suất và tăng hệ số vận hành thiết bị; áp dụng công nghệ theo dõi trạng thái vận hành thiết bị theo thời gian thực; sử dụng thiết bị đo lường và điều khiển tự động hiện đại nhằm ngăn ngừa sự cố lớn, tăng độ tin cậy và hệ số sẵn sàng.

- Phát triển các hệ thống điều độ tiên tiến; nghiên cứu ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong đo lường, giám sát, điều khiển, bảo vệ và quản lý vận hành; nghiên cứu tiếp cận và làm chủ công nghệ thiết kế, chế tạo một số thiết bị năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng; nghiên cứu phát triển vật liệu mới, tiết kiệm năng lượng.

- Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ tự động hoá vào sản xuất và đời sống.

- Nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp công nghệ để: kiểm soát, quản lý phương tiện cơ giới tham gia giao thông; đánh giá tác động giao thông cho đô thị.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến trong đo lường, giám sát, điều khiển, bảo vệ, quản lý vận hành, khai thác hiệu quả an toàn – an ninh hệ thống giao thông; phát triển tổng thể hệ thống giao thông thông minh tại Việt Nam.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới bảo vệ chống ăn mòn kết cấu, công nghệ cào bóc tái chế, công nghệ vật liệu mới, vật liệu chế sẵn, vật liệu thân thiện với môi trường trong xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng giao thông.

- Nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ quy hoạch, thiết kế và xây dựng mới phù hợp điều kiện của tỉnh.

- Nghiên cứu nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, áp dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo trong các công trình xây dựng và thúc đẩy phát triển công trình xanh.

- Nghiên cứu công nghệ và thiết bị xử lý tro, xỉ, thạch cao của các nhà máy nhiệt điện, hóa chất phân bón và các cơ sở công nghiệp phát thải khác để làm nguyên vật liệu xây dựng.

- Nghiên cứu vật liệu xây, vật liệu tiết kiệm năng lượng và cấu kiện không nung cho công trình xây dựng.

- Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ xử lý rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp và nước thải.

- Nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ thông tin phục vụ sản xuất, kinh doanh và đời sống trên địa bàn tỉnh như: dịch vụ thương mại điện tử, dịch vụ gửi tiền, dịch vụ cung cấp thông tin, để hỗ trợ các doanh nghiệp, các trường học, các địa phương vùng sâu, vùng xa trong việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ sản xuất và đời sống.

- Nghiên cứu xây dựng cơ quan điện tử trong các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể; chuẩn hoá dữ liệu và trao đổi dữ liệu trong cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử.

2.4. Trong lĩnh vực khoa học xã hội

- Nghiên cứu luận cứ khoa học cho việc cụ thể hoá đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của tỉnh giai đoạn 2016-2020. Điều tra đánh giá thực trạng thực hiện các chính sách quản lý kinh tế - xã hội trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và giải pháp xây dựng tỉnh Hải Dương thành tỉnh công nghiệp.

- Xác lập, khai thác quyền sở hữu trí tuệ đối với các kết quả nghiên cứu khoa học; hỗ trợ tạo lập, khai thác, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ đối với các sản phẩm đặc thù, có tiềm năng phát triển của địa phương.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý doanh nghiệp v.v... trên bước đường hội nhập kinh tế quốc tế.

- Nghiên cứu đổi mới phương pháp dạy và phương pháp học để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu bảo tồn và khai thác hợp lý các di tích lịch sử-văn hóa, làng nghề, lễ hội phục vụ cho mục đích du lịch.

- Nghiên cứu xây dựng các mô hình bảo vệ môi trường có sự tham gia của cộng đồng.

- Điều tra, quy hoạch, quản lý, tổ chức khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu các giải pháp đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu các giải pháp nâng cao hiệu quả lãnh đạo của tổ chức Đảng các cấp, nâng cao chất lượng sinh hoạt của các tổ chức Đảng; nâng cao hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền, đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức chính trị-xã hội.

- Nghiên cứu những vấn đề về xã hội, quản lý xã hội, con người, văn hóa và nguồn nhân lực.

2.5. Trong lĩnh vực khoa học nhân văn

Nghiên cứu, sưu tầm và bảo tồn các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể trên địa bàn tỉnh; áp dụng các công nghệ tiên tiến để sưu tầm, xuất bản và lưu giữ các di sản văn hoá tiêu biểu.

2.6. Trong lĩnh vực khoa học y, dược

- Nghiên cứu hiện trạng và đề xuất giải pháp quản lý, dự phòng, chẩn đoán, điều trị các loại bệnh truyền nhiễm, bệnh nguy hiểm, bệnh mới nổi, bệnh tái nổi, các bệnh mới phát sinh, bệnh do yếu tố môi trường.

- Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân; ứng dụng y sinh học phân tử trong chẩn đoán và điều trị.

- Nghiên cứu sản xuất nguyên liệu hoá dược phục vụ công nghiệp bào chế thuốc, tăng dần tỷ lệ nguyên liệu hoá dược trong nước, phát huy ưu thế, tiềm năng về dược liệu và thuốc y học cổ truyền; quy hoạch một số vùng chuyên canh để sản xuất dược liệu.

- Nghiên cứu, sưu tầm, thử nghiệm và áp dụng rộng các bài thuốc cổ truyền chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân; nghiên cứu và phát triển các phương pháp kết hợp giữa y học hiện đại và y học cổ truyền trong chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh; ứng dụng và phát triển các phương pháp điều trị không dùng thuốc: vật lý trị liệu, tâm lý trị liệu, thể dục trị liệu..., phát triển y học cổ truyền dựa trên bằng chứng y học hiện đại.

- Nghiên cứu ứng dụng mô hình và đề xuất các giải pháp về: tăng cường và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về y tế như quản lý dược phẩm, chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường; các biện pháp chủ động giám sát ô nhiễm thực phẩm và phát triển đội ngũ cán bộ thuộc lĩnh vực khoa học y, dược; thực hiện phổ biến, chuyển giao kỹ thuật cho các tuyến sau nghiên cứu; nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong lĩnh vực sức khỏe sinh sản.

2.7. Tăng cường hoạt động khoa học và công nghệ cấp huyện.

2.8. Xây dựng các dự án tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ, tăng cường hoạt động quản lý khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

3. Tiến độ xây dựng Kế hoạch khoa học và công nghệ năm 2019

Chậm nhất trước ngày 05 tháng 4 năm 2018 các đơn vị đăng ký nhiệm vụ KH&CN theo đúng mẫu phiếu đề xuất nhu cầu (*kèm theo Công văn*) gửi về Phòng Quản lý khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ. (*Đối với các nhiệm vụ của các đơn vị thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thành phố, thị xã phải có ý kiến của Hội đồng khoa học và công nghệ cùng cấp*).

Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành quy trình tuyển chọn nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh theo Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND ngày 19/11/2015 của UBND tỉnh Hải Dương về việc ban hành “Quy định quản lý và định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hải Dương”. Sở Khoa học và Công nghệ sẽ thông báo cụ thể kết quả tuyển chọn tới các đơn vị đăng ký thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Rất mong các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thành phố, thị xã, các đơn vị và doanh nghiệp tham gia đề xuất nhiệm vụ KH&CN năm 2019 theo tiến độ nêu trên để Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, đáp ứng yêu cầu về tiến độ theo chỉ đạo của UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ./.

Chi tiết xin liên hệ theo địa chỉ:

Phòng Quản lý khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ

Số 209 Nguyễn Lương Bằng, Thành phố Hải Dương

Điện thoại: 0220.3892430; Fax: 0220.3892437

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban TVTU, UBND tỉnh (để b/c);
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng và đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, P.QLKH (Ô Dương).



GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Bình

Đơn vị:.....

PHIẾU ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH NĂM 2019

1. Thông tin nhiệm vụ:

- Tên nhiệm vụ:
- Cơ quan chủ trì và thực hiện:
- Chủ nhiệm nhiệm vụ:
- Địa chỉ, nơi công tác*:
- Điện thoại di động*:

Bắt buộc phải ghi địa chỉ liên hệ, số điện thoại di động của người đề xuất/ đại diện đơn vị chính xác để Sở Khoa học và Công nghệ thông báo khi có kết quả tuyển chọn.

2. Hình thức thực hiện: *(Một trong các hình thức: đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm, đề án khoa học hoặc dự án khoa học và công nghệ):*

3. Thuộc lĩnh vực: *(Một trong 06 lĩnh vực: khoa học nông nghiệp, khoa học tự nhiên; khoa học kỹ thuật và công nghệ; khoa học y, dược; khoa học xã hội; khoa học nhân văn):*

4. Mục tiêu: *(ghi rõ mục tiêu, cái đích cần đạt được là gì?)*

5. Tính cấp thiết của nhiệm vụ: *(tại sao phải nghiên cứu giải quyết nhiệm vụ này ở cấp tỉnh: tầm quan trọng, tính cấp bách hoặc tác động to lớn, ảnh hưởng lâu dài đến đời sống kinh tế - xã hội của tỉnh, v.v...)*

6. Nội dung chủ yếu và kết quả dự kiến: *nêu rõ các đề tài, dự án sẽ giải quyết nội dung KH&CN chủ yếu gì để đạt được mục tiêu đề ra*

7. Khả năng và địa chỉ áp dụng:

8. Dự kiến hiệu quả mang lại:

- Hiệu quả đối với lĩnh vực khoa học và công nghệ *(nắm vững, làm chủ công nghệ gì, tác động nâng cao trình độ công nghệ lĩnh vực KH&CN ...)*
- Hiệu quả kinh tế - xã hội *(hiệu quả trực tiếp về kinh tế tính bằng giá trị mang lại nếu được áp dụng, tác động về kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài ...)*
- Hiệu quả môi trường, hiệu quả khác...

9. Thời gian thực hiện:

10. Dự kiến kinh phí để thực hiện nhiệm vụ:

- Kinh phí đề nghị hỗ trợ từ NSNN: Triệu đồng
- Nguồn kinh phí khác: Triệu đồng

11. Thông tin khác (chỉ áp dụng đối với dự án SXTN hoặc dự án KH&CN)

11.1 Xuất xứ hình thành:

(Nếu là Dự án SXTN cần nêu rõ: Kết quả của các đề tài KH&CN; kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc kết quả KH&CN từ nước ngoài.

Nếu là dự án KH&CN cần nêu rõ: nguồn hình thành của Dự án KH&CN, tên Dự án đầu tư sản xuất, các quyết định phê duyệt liên quan ...)

11.2 Khả năng huy động nguồn vốn ngoài NSNN: (Sự tham gia của doanh nghiệp, cơ sở sx v.v...)

*Đơn vị đề xuất đề tài
(họ, tên và chữ ký, đóng dấu)*

*Cá nhân đề xuất nhiệm vụ
(họ, tên và chữ ký)*

Ghi chú: Phiếu đề xuất được trình bày không quá 04 trang giấy khổ A4, theo đúng các mục, trình bày không ghép mắt giấy.